

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 03-5-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quách Trọng Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Minh; Ông Phạm Đình Bông.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 03/5/2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 103/2018/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Mai Thị Y; sinh năm 1962; địa chỉ: thôn N, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

**Bị đơn:** Ông Lang Văn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn N, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2018 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn bà Mai Thị Y trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên năm 2014 bà Mai Thị Y có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Lang Văn T vay tiền 03 lần, tổng số tiền cho vay là 140.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 29/7/2014 (tức ngày 03/7/2014 âm lịch) cho vay 10.000.000 đồng; Ngày 04/8/2014 (tức ngày 09/7/2014 âm lịch) cho vay 30.000.000 đồng; Ngày 10/10/2014 (tức ngày 27/9/2014 âm lịch) cho vay 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận đến cuối năm 2014 bà N ông T sẽ trả toàn bộ khoản nợ cho bà Y. Đến hạn trả nợ cuối năm 2014 bà N, ông T không thanh toán nợ, sau khi bà Y yêu cầu trả nợ nhiều lần thì đến ngày 02/8/2016 (tức ngày 30/6/2016 âm lịch) bà Y và bà N, ông T có thỏa thuận thống nhất cộng gộp cả ba khoản nợ trên và viết vào một tờ giấy khác. Vợ chồng bà N, ông T hẹn đến cuối năm 2016 sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ 140.000.000 đồng cho bà Y. Thỏa thuận tiền lãi là 20.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ tháng nhưng không viết vào giấy.

Tháng 12/2016 âm lịch ông T, bà N đã trả lãi bà Y 15.000.000 đồng và năm 2017 ông T trả 1m đất thổ cư (hai bên thống nhất 1m đất này trị giá 20.000.000 đồng, bà Y đưa lại bà N, ông T 1.000.000 đồng), tổng cộng ông T, bà N đã trả bà Y 34.000.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra ông T, bà N không trả bà Y khoản nào khác.

Đến hạn thanh toán nhưng Ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà Y yêu cầu ông T, bà N trả cho bà Y 140.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

*Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:* Ông T, bà N công nhận nội dung năm 2014 ông T, bà N có vay của bà Y tiền 03 lần, tổng số tiền cho vay là 140.000.000 đồng, cụ thể từng lần vay như bà Y trình bày là đúng sự thật. Đến hạn trả nợ cuối năm 2014 nhưng ông T, bà N bị cướp nên mất khả năng trả nợ cho bà Y. Đến ngày 02/8/2016 (tức ngày 30/6/2016 âm lịch) bà N, ông T và bà Y có thỏa thuận thống nhất viết lại giấy khất nợ gộp cả ba khoản nợ trên viết vào một tờ giấy khác, hẹn đến cuối năm 2016 ông T, bà N sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ 140.000.000 đồng, các bên thỏa thuận miệng với nhau tiền lãi là 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ tháng nhưng không viết vào giấy. Tháng 12 năm 2016 ông T, bà N đã trả bà Y 15.000.000 đồng và năm 2017 trả 1m đất thổ cư (hai bên thống nhất 1m đất này trị giá 20.000.000 đồng, bà Y đưa lại bà N, ông T 1.000.000 đồng), tổng cộng ông T, bà N đã trả bà Y 34.000.000 đồng nợ gốc. Ông T, bà N không đồng ý trả bà Y khoản tiền 140.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của bà Y.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn, buộc ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải thanh toán cho bà Mai Thị Y 106.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Dân sự tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N có địa chỉ tại thôn N, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Theo khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[2]. Về nội dung vụ án: Năm 2014 bà Mai Thị Y có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Lang Văn T vay tiền 03 lần, cụ thể: Ngày 29/7/2014 (tức ngày 03/7/2014 âm lịch) cho vay 10.000.000 đồng; Ngày 04/8/2014 (tức ngày 09/7/2014 âm lịch) cho vay 30.000.000 đồng; Ngày 10/10/2014 (tức ngày

27/9/2014 âm lịch) cho vay 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận đến cuối năm 2014 bà N ông T sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho bà Y. Đến hạn thanh toán nợ nhưng bà N, ông T không thực hiện. Đến ngày 02/8/2016 (tức ngày 30/6/2016 âm lịch) bà Y và bà N, ông T có thỏa thuận thống nhất cộng gộp cả ba khoản nợ trên và viết vào một tờ giấy khác. Vợ chồng bà N, ông T hẹn đến cuối năm 2016 sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ 140.000.000 đồng cho bà Y. Hai bên có thỏa thuận tiền lãi nhưng không viết vào giấy. Tháng 12/2016 âm lịch ông T, bà N đã thanh toán cho bà Y 15.000.000 đồng và năm 2017 thanh toán 1m đất thổ cư (hai bên thống nhất 1m đất này trị giá 20.000.000 đồng, bà Y đưa lại bà N, ông T 1.000.000 đồng), tổng cộng ông T, bà N đã thanh toán bà Y 34.000.000 đồng.

[3]. Ông T, bà N đã thanh toán cho bà Y 02 lần là 34.000.000 đồng, ông T, bà N trình bày đây là khoản ông bà thanh toán nợ gốc. Bà Y trình bày đây là khoản ông T, bà N thanh toán nợ lãi. Tuy nhiên bà Y, ông T, bà N đều không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, do đó xác định 34.000.000 đồng mà ông T, bà N đã thanh toán bà Y là khoản nợ gốc.

[4]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Mai Thị Y với ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N được giao kết hợp pháp, phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Đến thời hạn nhưng ông T, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên bà Y khởi kiện yêu cầu ông T, bà N phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Bị đơn đã trả 34.000.000 đồng nợ gốc, do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ mà bị đơn chưa trả.

[5]. Về tiền lãi: Các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Bà Y yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất bằng 10%/năm = 0.83%/tháng. Thời gian tính lãi chậm trả được tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 01/01/2017) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 03/5/2019) là 28 tháng 03 ngày \* 106.000.000 x 0.83%/tháng = 24.272.000 đồng (làm tròn).

[6]. Về án phí :

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Cụ thể ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 130.272.000 đồng x 5% = 6.513.600 đồng (làm tròn).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Mai Thị Y.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 305; Điều 468; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải thanh toán cho bà Mai Thị Y số tiền 130.272.000 đồng (trong đó 106.000.000 đồng nợ gốc và 24.272.000 đồng đồng nợ lãi).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lang Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 6.513.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Mai Thị Y 3.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003099 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án lên toà án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Quách Trọng Sơn**